

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 519/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/5/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hương
2. Bà Lê Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2018/HNST ngày 12/3/2018 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1670/2018/QĐXX-ST ngày 12/4/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1979

Cư trú: Hoa Kỳ.

2. *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1979

Địa chỉ: C, Phường D, quận E, F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2018 ông A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà B kết hôn vào năm 2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 3680, quyển số 13 ngày 23/11/2009 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn ông sinh sống tại Việt Nam một thời gian và đến đầu năm 2017 thì trở về Hoa Kỳ, còn B thì sống tại Việt Nam. Do cuộc sống xa cách, trong quá trình gọi điện thoại liên lạc với nhau giữa ông và B nảy sinh nhiều vấn đề khác biệt trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với B.

Về việc nuôi con: Không có.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại bản tự khai ngày 06/4/2018, bà B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với nội dung ông A đã trình bày. Do có nhiều khác biệt trong quan điểm sống nên giữa bà và ông A xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay bà xác định không còn tình cảm với chồng. Do mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng nên bà đồng ý ly hôn với yêu cầu ly hôn của ông A.

Về việc nuôi con: Không có.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông A và bà B có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 08/02/2018, ông A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà B. Ông A hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông A và B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A và B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 3680, quyển số 13 ngày 23/11/2009 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông A và B đều thừa nhận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do cuộc sống xa cách không thể hàn gắn được. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông A và B đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông A và việc ly hôn với B.

- Về việc nuôi con: Không có.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông A là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 ; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa Án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A được ly hôn bà B.

- Về việc nuôi con: Không có.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

2. Ông A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà ông A đã nộp theo biên lai số AA/2017/0048902 ngày 06/03/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng; Bà B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình